

## CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ - LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Trần Đăng Thịnh

## TÓM TẮT

*Trong quá trình phát triển, nền kinh tế thế giới trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, tùy theo sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội. Xét một cách tổng thể có thể phân kỳ phát triển nền kinh tế thế giới với các giai đoạn như sau: Giai đoạn xuất hiện nền kinh tế thế giới; giai đoạn tồn tại nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa thống nhất trên phạm vi toàn thế giới; giai đoạn nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa thống nhất bị phá vỡ do sự xuất hiện của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới và giai đoạn hiện nay. Theo đó, quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng, nền kinh tế thế giới nói chung trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau với những phương thức quan hệ kinh tế quốc tế khác nhau và được thể hiện qua sự khái quát của các nhà kinh tế học.*

*Từ khóa: Phương thức quan hệ, kinh tế quốc tế, lịch sử, hiện tại*

## MODES OF INTERNATIONAL ECONOMICS RELATION- PAST AND PRESENT

## ABSTRACT

*During the development, the economy worldwide experienced several stages, depending on the development of production forces and social relations. In general, we can divide the world economy into the following stages: the appearance of the world economy, worldwide capitalist economy, and worldwide capitalist economy was broken due to the appearance of the first socialist economy country and the present stage. Accordingly, international economics relations in particular and the world economy in general experienced different stages of development with the different methods of international economics relations and are summarised by various generalisations of Economists.*

*Key words: Modes of relation, international economic, history, present*

1. Phương thức quan hệ kinh tế quốc tế trong lý luận của các nhà kinh điển

Theo phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới, giai đoạn xuất hiện nền kinh tế thế giới rơi vào thời kỳ tư

bản chủ nghĩa tự do cạnh tranh, giai đoạn phát triển thứ hai của nền kinh tế thế giới ở vào thời kỳ chủ nghĩa đế quốc bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, theo đó lý luận của các nhà kinh điển mácxít về quan hệ kinh tế quốc tế cũng

\* TS. GVC. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

## Tạp chí Kinh tế - Kyō thuaät

được phản ánh một cách tập trung trong thời kỳ phát triển này của nền kinh tế thế giới.

Ở thời kỳ đầu của nền kinh tế thế giới, phân công lao động quốc tế từ chỗ còn mang tính chất sử dụng những sự khác biệt của điều kiện tự nhiên đã phát triển thành phân công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa được thực hiện thông qua buôn bán quốc tế. Dần dần, ngày càng nhiều nước và khu vực tham gia vào các quan hệ kinh tế quốc tế. Tuy vậy, trong giai đoạn này, các quan hệ kinh tế quốc tế vẫn chưa mang tính chất thế giới một cách đầy đủ. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất ở một số nước gắn liền với những cố gắng mở rộng thị trường và nơi tiêu thụ hàng hoá nhằm đạt lợi nhuận cao nhất. Đồng thời, phân công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa đã làm tăng nhanh sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản, làm sâu sắc thêm sự cách biệt trình độ phát triển kinh tế giữa một nhóm nhỏ các nước công nghiệp phát triển với phần còn lại của thế giới.

Sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, phân công lao động quốc tế thể hiện trước hết là sự thống trị thị trường trong nước và ngoài nước của các liên minh độc quyền thế giới mạnh nhất. V.I.Lênin đã chỉ ra rằng: Giữa liên minh các nhà tư bản, đã được lập nên một số quan hệ nào đó dựa trên sự phân chia thế giới về mặt kinh tế, song song và tương đương với tình trạng đó, liên minh chính trị giữa các nhà nước với nhau, cũng được thành lập nên một số quan hệ nào đó dựa trên việc phân chia lãnh thổ thế giới, dựa trên cuộc đấu tranh giành thuộc địa, dựa trên cuộc đấu tranh thống nhất kinh tế.

Trên cơ sở cuộc đấu tranh thống nhất kinh tế giữa các liên minh độc quyền, giữa các nước đế quốc, các phần còn lại của thế giới được lôi cuốn vào nền kinh tế thế giới và sự

phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc, đế quốc mạnh nhất cũng kết thúc và gia nhập các khu vực của thế giới vào một hệ thống kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa thống nhất trên cơ sở quan hệ giữa chính quốc và thuộc địa. Các quan hệ thực dân này đã khiến cho các cường quốc công nghiệp phát triển liên hệ chặt chẽ với lãnh thổ hải ngoại rộng lớn mà ở đó trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn rất thấp và tính chất của quan hệ sản xuất này mang tính chất của phương thức sản xuất trước chủ nghĩa tư bản.

Trong giai đoạn này, trong các nước tư bản công nghiệp phát triển đã diễn ra quá trình tập trung sản xuất vào tay các tổ chức độc quyền, gắn liền với việc tăng nhanh chóng cấu tạo hữu cơ tư bản và năng suất lao động. Sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa tăng lên nhanh chóng. Ngoài nước Anh, một số trung tâm sản xuất công nghiệp máy móc đã hình thành ở Pháp, Đức, Mỹ và một số nước Châu Âu khác. Ngược lại, ở một số nước thuộc địa và phụ thuộc cũng diễn ra quá trình lạc hậu và ngừng trệ về trình độ phát triển kinh tế như một hình thức đặc trưng của mâu thuẫn giữa tư bản và lao động trên phạm

vi toàn thế giới. Theo đó, giai đoạn này xuất hiện một đặc trưng nổi bật trong quan hệ kinh tế quốc tế, trong nền kinh tế thế giới là xuất khẩu tư bản, trước hết là xuất khẩu tư bản từ chính quốc vào thuộc địa.

Như vậy, có thể nói trong hệ thống lý luận của các nhà kinh điển mácxít, quan hệ kinh tế quốc tế hay nói rộng hơn là nền kinh tế thế giới được phản ánh trong giai đoạn tự do cạnh tranh và độc quyền của chủ nghĩa tư bản, với các phương thức quan hệ kinh tế quốc tế phổ biến là thương mại quốc tế - chủ yếu là xuất, nhập khẩu hàng hoá (giai đoạn tự do cạnh tranh) và xuất khẩu tư bản (giai đoạn

độc quyền). Xuất khẩu hàng hoá là đem hàng hoá ra nước ngoài để bán/tiêu thụ nhằm thực hiện giá trị và giá trị thặng dư, nhưng thực chất là nhằm tối đa hoá lợi nhuận của những hàng hoá đã được sản xuất trong nước thông qua việc khai thác những lợi thế trong quan hệ thương mại quốc. Xuất khẩu tư bản là hoạt động đầu tư tư bản ra nước ngoài nhằm nâng cao tỷ suất và khối lượng lợi nhuận. Hay nói cách khác xuất khẩu tư bản là hoạt động tìm kiếm nơi đầu tư có lợi nhuận cao nhất cho mỗi một giá trị tư bản. Những phương thức quan hệ kinh tế quốc tế này vẫn tiếp tục phát triển cho đến hiện nay, song đa dạng hơn về hình thức thực hiện để tối đa hoá lợi ích từ các quan hệ kinh tế quốc tế hiện hành.

## 2. Phương thức quan hệ kinh tế quốc tế theo quan điểm hiện nay

Dưới sự tác động trực tiếp của khoa học - công nghệ và quá trình quốc tế hoá - toàn cầu hoá kinh tế (mà trực tiếp là sự chi phối mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) và các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế), nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phát triển mới - nền kinh tế toàn cầu hoá, xu thế này xuất hiện từ 50 năm cuối thế kỷ XIX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, mặc dù quy mô và phạm vi còn hạn chế nhiều so với những giai đoạn sau này. ở giai đoạn này, xu thế toàn cầu hoá gắn liền với sự bành trướng thị trường của các nước tư bản chủ nghĩa thông qua việc xâm chiếm, giành giật thuộc địa..., hình thành những khối thị trường khác nhau, biệt lập gồm chính quốc và thuộc địa. Trong thời kỳ từ Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cuối thập niên 40 của thế kỷ XX, xu thế toàn cầu hóa kinh tế bị suy giảm do tác động nặng nề của hai cuộc chiến tranh thế giới và cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933. Từ thập niên 50 đến cuối thập

niên 70 của thế kỷ XX đã diễn ra sự bùng nổ xu thế toàn cầu hóa và rồi lại có phần lắng xuống vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, do sự tác động của cuộc khủng hoảng dầu lửa và kinh tế đầu những năm 70. Và, xu thế toàn cầu hóa, nhất là toàn cầu hóa kinh tế thực sự bùng lên mạnh mẽ từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay. Cùng với sự kết thúc „chiến tranh lạnh” và sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, thế giới đã có sự chuyển biến lớn: so sánh quyền lực giữa các trung tâm quyền lực đã có thay đổi - từ một trật tự thế giới hai cực với hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập trước đây chuyển sang cực diện mới „nhất siêu, đa cường”, không còn sự đối đầu trực tiếp giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập. Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển trở thành xu thế lớn của tình hình thế giới, đương nhiên trong đó có đấu tranh; hợp tác và đấu tranh đan xen lẫn nhau.

Toàn cầu hóa trước hết và chủ yếu là toàn cầu hóa kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế là sự dịch chuyển tự do các yếu tố của quá trình tái sản xuất từ nước này sang nước khác trên phạm vi toàn cầu bắt nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất dẫn đến hình thành nền kinh tế toàn cầu. Theo đó, xuất hiện các quan niệm mới, cách tiến cận mới sáng tạo hơn, thích hợp hơn trong quan hệ kinh tế quốc tế, điển hình là xuất hiện xu hướng thừa nhận tính chất phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia và thừa nhận „tính chất phẳng/ tính thống nhất” của nền kinh tế thế giới. Do đó, các phương thức quan hệ kinh tế quốc tế cũng không ngừng được phát triển mở rộng và đa dạng hơn. Điều đó được thể hiện ở chỗ:

- Các dòng hàng hóa, dịch vụ, kỹ thuật, vốn, nguồn nhân lực... ngày càng vượt qua

## Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật

biên giới các quốc gia, chúng lưu thông trên phạm vi toàn cầu ngày càng tự do hơn.

- Sự liên kết chặt chẽ kinh tế của các nước trên thế giới thành các luồng phân phối lưu thông, các nguồn lực kinh tế toàn cầu; cầu nối này ngày càng ảnh hưởng và kết hợp chặt chẽ với nhau.

- Nền kinh tế các nước trên thế giới ngày càng mở cửa và hội nhập với nhau. Sự phát triển của kinh tế các nước trên thế giới và sự vận động của toàn bộ nền kinh tế thế giới ngày càng ảnh hưởng và chế ước lẫn nhau. Lần đầu tiên trong lịch sử hình thành nền kinh tế toàn cầu. Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế khách quan.

Hiện thực này cũng đã từng được C.Mác dự báo là đã đến giai đoạn „lịch sử biến thành lịch sử thế giới”. Xuất phát điểm của toàn cầu hóa là toàn cầu hóa kinh tế.

Từ những biến chuyển trong vận động của nền kinh tế thế giới, có thể khái quát phương thức quan hệ kinh tế hiện nay bao gồm các phương thức cơ bản như: Mậu dịch quốc tế; đầu tư quốc tế; hợp tác phân công lao động quốc tế; hợp tác đầu tư, chuyển giao khoa học - công nghệ quốc tế; tài chính - tiền tệ quốc tế; Liên kết kinh tế quốc tế và các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế.

*Thứ nhất*, Quan hệ kinh tế quốc tế về *trao đổi hàng hoá (hay còn gọi là mậu dịch quốc tế)*. Đây là hình thức di chuyển hàng hoá quốc tế - một trong những hình thức quan hệ kinh tế quốc tế chủ yếu, trong đó diễn ra việc di chuyển hàng hoá từ nước này sang nước khác và ngược lại. Di chuyển hàng hoá quốc tế được thực hiện thông qua hình thức buôn bán quốc tế. Trên thị trường thế giới người ta thường chia hàng hoá trao đổi giữa các nước thành hai nhóm: hàng hoá hữu hình và hàng hoá vô hình.

*Thứ hai*, Quan hệ kinh tế quốc tế về *di chuyển vốn đầu tư (hay đầu tư quốc tế)*. Đầu tư quốc tế là hiện tượng di chuyển các phương tiện đầu tư từ nước này sang nước khác nhằm thu lợi nhuận cao. Đầu tư quốc tế thực chất là di chuyển các yếu tố sản xuất trên quy mô toàn thế giới. Trong đó, chiếm tỷ trọng đáng kể là sự di chuyển quốc tế về vốn.

Sự di chuyển quốc tế về vốn là sự vận động của tiền tệ và tài sản giữa các quốc gia nhằm điều chỉnh tỷ lệ giữa các yếu tố sản xuất tạo điều kiện cho các nền kinh tế riêng biệt của từng quốc gia phát triển, góp phần thúc đẩy kinh tế toàn cầu tăng trưởng. Sự di chuyển quốc tế về vốn bao gồm các hình thái: vay mượn vốn, viện trợ, đầu tư giữa các quốc gia.

Hiện nay nhiều nước trên thế giới vừa là người đầu tư, vừa là người nhận đầu tư. Nghĩa là trong cùng một thời gian tại quốc gia có cả hai dòng chảy vốn xảy ra. Nói cách khác quốc gia cùng một lúc mang hai sắc thái: vừa là người đi đầu tư vừa là người tiếp nhận đầu tư.

*Thứ ba*, Quan hệ kinh tế quốc tế về *hợp tác phân công lao động* là quan hệ kinh tế quốc tế trong đó diễn ra việc di chuyển sức lao động từ nước này sang nước khác trên phạm vi toàn thế giới thông qua các hợp đồng xuất khẩu lao động, hợp đồng hợp tác trao đổi chuyên gia...

Quá trình di chuyển lao động diễn ra vì các lý do kinh tế hoặc phi kinh tế. Di chuyển lao động vì lý do phi kinh tế là những đợt di cư do áp lực của tôn giáo, chính trị hoặc chiến tranh. Trái lại di chuyển lao động vì lý do kinh tế là do động cơ thu nhập hay môi trường làm việc thúc đẩy. Xu hướng chung trên thế giới hiện nay là di chuyển lao động từ Đông qua Tây; từ Nam lên Bắc; từ các nước đang phát triển qua các nước phát triển.

Nguồn nhân lực của các quốc gia khác nhau về quy mô và chất lượng, không cân xứng với nguồn lực vốn; do vậy dẫn đến tình trạng tiền lương (giá cả sức lao động) tại các quốc gia rất khác nhau. Chính sự chênh lệch về giá cả của sức lao động giữa các quốc gia là nguyên nhân cơ bản hình thành thị trường lao động. Xu hướng toàn cầu hoá cùng với sự phát triển của các công ty đa quốc gia dẫn đến nhu cầu sử dụng lao động trên lĩnh vực toàn cầu.

Di chuyển quốc tế sức lao động cũng được coi như di chuyển hàng hóa quốc tế, nhưng đó là một loại hàng hóa đặc biệt - hàng hóa sức lao động, trên thị trường đặc biệt - thị trường sức lao động. Đây là quan hệ kinh tế quốc tế dẫn đến sự phân bổ lại nguồn lực lao động và trong chừng mực nhất định đưa đến việc di dân trên phạm vi thế giới.

*Thứ tư, hợp tác đầu tư nghiên cứu - chuyển giao công nghệ* là quan hệ kinh tế quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ, bao gồm các hình thức phối hợp giữa các nước để tiến hành cùng nhau nghiên cứu, sáng chế, thiết kế, thử nghiệm, trao đổi các kết quả nghiên cứu, thông tin về khoa học công nghệ, áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất. Hợp tác đầu tư nghiên cứu - chuyển giao công nghệ trong quan hệ kinh tế quốc tế đảm bảo cho quá trình liên kết khoa học với sản xuất được nhanh chóng và thuận lợi, tiết kiệm vốn đầu tư nghiên cứu và áp dụng thành tựu khoa học-công nghệ, tiết kiệm thời gian tránh sự trùng lặp không cần thiết trong nghiên cứu khoa học - công nghệ, tạo điều kiện khai thác triệt để những sản phẩm trí tuệ của con người. Trong điều kiện hiện nay, hình thức này được thể hiện phổ biến dưới dạng chuyển giao công nghệ: buôn bán Licence, Know-how, Engineering...

*Thứ năm, tài chính-tiền tệ quốc tế* là một loại quan hệ kinh tế quốc tế, trong đó diễn ra sự di chuyển các phương tiện tài chính-tiền tệ từ nước này sang nước khác trên quy mô quốc tế.

Quan hệ tài chính tiền tệ giữa các quốc gia có nguồn gốc từ quan hệ thương mại. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia phải thông qua tiền tệ khác nhau, tất yếu dẫn đến mối quan hệ tài chính tiền tệ và hình thành hệ thống tài chính-tiền tệ quốc tế.

Hệ thống tài chính - tiền tệ thế giới là hệ thống các quy tắc, thể lệ nhằm tác động đến các mối quan hệ tài chính - tiền tệ giữa các quốc gia. Hệ thống tài chính - tiền tệ thế giới hoạt động nhằm điều chỉnh các mối quan hệ tiền tệ giữa các quốc gia phục vụ cho thương mại, đầu tư trên thế giới. Hoạt động của hệ thống tài chính - tiền tệ thế giới gắn liền với cơ chế của tỷ giá hối đoái. Lịch sử phát triển của hệ thống tài chính-tiền tệ quốc tế gắn liền ba hệ thống tỷ giá hối đoái: i/Cơ chế tỷ giá Bản vị vàng;ii/ Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do hoàn toàn, tức là tỷ giá hối đoái thay đổi (tăng giảm) phụ thuộc vào quan hệ cung cầu về ngoại tệ trên thị trường ngoại hối;iii/ Tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý của chính phủ, có nghĩa là căn cứ tình hình cụ thể của thị trường ngoại hối và nhiệm vụ phát triển kinh tế của từng thời kỳ cũng như chính sách ngoại thương;

Chính phủ can thiệp vào thị trường ngoại hối để tỷ giá có lợi nhất cho nền kinh tế.

Hệ thống tài chính-tiền tệ quốc tế bao gồm hai bộ phận lớn là: hệ thống thanh toán quốc tế và hệ thống tỷ giá hối đoái.

☒ Hệ thống thanh toán quốc tế: bao gồm bốn hạng mục chủ yếu sau: a/ Thanh toán vãng lai (Tài khoản vãng lai); b/ Hạng mục tư bản (Tài khoản vốn); c/ Sự khác nhau

## Taịp chí Kinh teá - Kyō thuaät

về mặt thống kê; d/ Kết toán chính thức.

*a/ Tài khoản vãng lai (cán cân thanh toán vãng lai)*

Tài khoản vãng lai của cán cân thanh toán ghi lại những luồng hàng hóa và dịch vụ quốc tế và những khoản thu nhập ròng khác từ nước ngoài. Hiệu số giữa tổng số xuất khẩu về hàng hóa và dịch vụ với tổng số nhập khẩu về hàng hóa và dịch vụ gọi là cán cân thanh toán vãng lai Trong cán cân thanh toán vãng lai phần quan trọng là cán cân thương mại. Cán cân thương mại bao gồm hai bộ phận: thương mại hữu hình và thương mại vô hình.

Thương mại hữu hình là những hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa như vật chất nguyên liệu, nhiên liệu, ô tô, sắt thép v.v... Thương mại vô hình là những hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu các hoạt động dịch vụ như: vận chuyển, du lịch, ngân hàng v.v...

Nếu giá trị hàng xuất khẩu lớn hơn giá trị hàng nhập khẩu thì người ta gọi là "Cán cân thương mại thuận lợi" (xuất siêu).

Ngược lại, nếu giá trị hàng xuất khẩu nhỏ hơn giá trị hàng nhập khẩu người ta gọi là "Cán cân thương mại không thuận lợi" (nhập siêu).

Cán cân thương mại và cán cân thanh toán vãng lai không trùng khớp với nhau. Trong cán cân thanh toán vãng lai ngoài bộ phận chủ yếu là cán cân thương mại còn có những khoản như: viện trợ nước ngoài, chi phí quân sự ở nước ngoài, lãi tín dụng, lãi cổ phần, lãi đầu tư v.v...

*b/ Tài khoản vốn*

Trong cán cân thanh toán ghi lại những giao dịch quốc tế về các tài sản tài chính. Đó là những khoản vốn của tư nhân hoặc chính phủ cho vay hoặc vay của tư nhân hoặc chính phủ nước ngoài. Quyết định khoản mục nào có và khoản mục nào là Nợ trong tài khoản

vốn (hạng mục tư bản) được tuân thủ theo nguyên tắc sau: khi vay của nước ngoài để tài trợ cho một khoản thâm hụt trong tài khoản vãng lai sẽ được ghi vào khoản có. Nếu cho nước ngoài vay để tài trợ cho một công trình nào đó trường hợp này ghi vào khoản nợ.

*c/ Sự khác nhau về mặt thống kê (Hạng mục cân đối)*

Hạng mục này là một khoản Điều chỉnh có tính chất thống kê. Nó sẽ bằng 0 nếu tất cả các hạng mục trước đó đã được tính chính xác Nó phản ảnh tình trạng không thể ghi lại hết được những giao dịch bằng những số liệu thống kê chính thức.

*d/ Kết toán chính thức (Tài trợ chính thức)*

Khoản mục này luôn bằng về trị số và ngược dấu với cán cân thanh toán. Tài trợ chính thức biểu thị những giao dịch quốc tế mà chính phủ tiến hành để Điều chỉnh tất cả những giao dịch khác được ghi trong các hạng mục của cán cân thanh toán.

Như vậy, khi tính cả tài trợ chính thức, tổng các hạng mục trong cán cân thanh toán phải bằng 0. Điều này giống như thị trường ngoại hối phải cân bằng khi tính cả sự can thiệp của ngân hàng trung ương qua việc sử dụng khoản dự trữ ngoại hối. Một khoản thặng dư trong tài khoản vãng lai được bù vào khoản thâm hụt trong tài khoản vốn hoặc dùng để tăng dự trữ ngoại hối. Ngược lại một khoản thâm hụt tài khoản vãng lai phải được bù lại bởi lợi khoản thặng dư trong tài khoản vốn hoặc nó sẽ làm hao hụt dự trữ ngoại hối. Hay một khoản thặng dư trong tài khoản vãng lai cần phải được cân đối bằng một khoản gia tăng, tài sản của quốc gia ở nước ngoài. Ngược lại một khoản thâm hụt trong tài khoản vãng lai được cân đối bằng việc giảm bớt tài sản của quốc gia tại nước ngoài.

☒ Hệ thống tỷ giá hối đoái

Sự phát triển thương mại quốc tế đã hình thành hệ thống tiền tệ và hối đoái quốc tế. Ngược lại, hệ thống tiền tệ một vai trò then chốt trong việc làm trơn các bánh xe thương mại quốc tế và đảm bảo sự hoạt động nhịp nhàng của nền kinh tế thế giới.

Thị trường ngoại hối là thị trường tiền tệ quốc tế tại đó đồng tiền của các quốc gia khác nhau có thể trao đổi được với nhau. Thị trường ngoại hối là nơi thực hiện, trao đổi mua bán các ngoại tệ và phương tiện chi trả có giá trị như ngoại tệ được xác định trên cơ sở cung cầu.

Quy mô cung, cầu ngoại tệ của quốc gia thay đổi liên tục có lúc hòa với nhau nhưng có những lúc không hài hòa và gây ra sự biến động của tỷ giá có thể dẫn đến những xáo trộn tình hình sản xuất, xuất khẩu của quốc gia. Trước tình hình đó Chính phủ phải có những biện pháp can thiệp vào thị trường ngoại hối nhằm ổn định tỷ giá theo hướng có lợi cho nền kinh tế.

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác. Hay mức giá mà hai đồng tiền của hai quốc gia khác nhau có thể trao đổi được với nhau thì được gọi là tỷ giá hối đoái.

Ngày nay, tiền tệ biểu hiện nội dung và tình trạng kinh tế của mỗi quốc gia. Kinh tế của quốc gia tăng trưởng thì giá trị của đồng tiền cũng tăng, ngược lại kinh tế của quốc gia suy thoái thì giá trị của đồng tiền sẽ giảm. Sự thay đổi giá trị của tiền tệ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nhà nền kinh tế ở những mặt sau:

*Thứ nhất*, đối với ngoại thương; tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ làm cho giá trị hàng hóa của các quốc gia có thương mại qua lại với

nhau thay đổi. Điều này sẽ làm thay đổi cán cân thương mại giữa hai quốc gia, bởi vì sự thay đổi tỷ giá hối đoái sẽ tác động trực tiếp đến xuất nhập khẩu của quốc gia. Chính vì vậy, hiện nay nhiều chính phủ đã dùng chính sách tỷ giá làm công cụ hữu hiệu nhằm thay đổi tương quan thương mại của hai quốc gia.

*Thứ hai*, trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài; sự thay đổi tỷ giá hối đoái sẽ tác động trực tiếp đến lĩnh vực đầu tư nước ngoài. Nó ảnh hưởng đến thu nhập và tài sản của nhà đầu tư nước ngoài tại nước tiếp nhận đầu tư. Chẳng hạn, việc phá giá tiền tệ của Chính phủ đã làm cho môi trường đầu tư về tài chính xấu đi. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu á năm 1997 là bài học thực tế rất bổ ích về chính sách tỷ giá hối đoái đối với đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba*, tỷ giá hối đoái và vấn đề thanh toán nợ nước ngoài; trong nền kinh tế thế giới hiện đại, các quốc gia vừa đi vay đồng thời vừa cho vay. Do vậy, Chính phủ phải có chính sách tỷ giá phù hợp để có lợi cho quốc gia. Khi tỷ giá thay đổi thì gánh nặng nợ nước ngoài cũng thay đổi. Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và thanh toán nợ nước ngoài là mối quan hệ ngược chiều.

Vai trò của tỷ giá hối đoái đối với nền kinh tế là rất quan trọng; do vậy chính sách về tỷ giá là một trong những chính sách quan trọng của Chính phủ trong vai trò can thiệp vào nền kinh tế nói chung và quan hệ kinh tế quốc tế mà trực tiếp là hoạt động ngoại thương nói riêng.

*Thứ tư*, Liên kết kinh tế quốc tế và các tổ chức kinh tế quốc tế

*Liên kết kinh tế quốc tế* đáp ứng yêu cầu phân công lao động quốc tế có hiệu quả giữa các quốc gia để khai thác lợi thế và khắc phục hạn chế, đồng thời như là một sự cần thiết

## Tạp chí Kinh tế - Kyō thuaät

cho việc bảo hộ thị trường kinh doanh trong và ngoài nước của các thành viên. Quá trình liên kết tạo ra những điều kiện thuận lợi trong quan hệ kinh tế quốc tế, trước hết là nhằm đạt tới lợi ích kinh tế cao hơn cho các bên, sau đó là tăng cường sức mạnh quân sự và vị trí chính trị xã hội trong nền kinh tế thế giới.

Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế rất phong phú và đa dạng, song về cơ bản có hai cách tiếp cận phân loại sau:

- Căn cứ vào đối tượng và nội dung liên kết của liên kết có thể chia làm 5 hình thức liên kết đó là: Khu vực mậu dịch tự do; Liên minh thuế quan; Thị trường chung; Liên minh kinh tế; Liên minh tiền tệ.

- Căn cứ vào phương thức điều chỉnh của liên kết, chia liên kết thành các liên kết kinh tế - thương mại chung (GATT, WTO, UNCTAD, ICC); các liên kết kinh tế - thương mại khu vực (ASEAN, APEC, EU, NAFTA,

MERCOSUR, ANCOM); các liên kết kinh tế - thương mại chuyên ngành (IATA, FIATA, ICJ, ISCID, WIPO, IMF, UNCITRAL, UNIDO, FAO, OPEC, ADB, CDB...)

### *Các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế:*

Nhằm hướng tới sự điều chỉnh một cách có hiệu quả quan hệ kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế đã được hình thành theo tiến trình phát triển của quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng, sự vận hành của nền kinh tế thế giới nói chung. Các thể chế kinh tế - tài chính quốc tế quan trọng đã được thiết lập và được coi là những công cụ quản lý kinh tế quan trọng đối với sự vận hành nền kinh tế thế giới và điều chỉnh các quan hệ kinh tế quốc tế có thể kể tới trong lịch sử gồm: Kế hoạch Marshall, hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods, Quỹ tiền tệ thế giới (IMF), Ngân hàng thế giới (WB); Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Paul R.Krugman- Maurice Obstfeld (1995): “*Kinh tế học quốc tế- Lý thuyết và chính sách*”, tập 1 và 2, Nxb CTQG.
- [2]. Margaret P.Karn & Karen Mingst (2007): Bài giảng *Between Theory and Practice International Relations in the Beginning of the 21 st Century*, [Quan hệ quốc tế đầu thế kỷ 21: Giữa lý thuyết và thực tiễn], Khoa Quốc tế học - Trường Đại học KHXH&NV.Hà Long.
- [3]. “*Kinh tế và chính trị thế giới: Vấn đề và xu hướng tiến triển*”, Nxb Lao động, H 2008;
- [4]. Lê Bộ Lĩnh (2002), “*Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh*”, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Hoàng Khắc Nam “*Tổ chức quốc tế và chủ thể phi quốc gia*”- Viện Kinh tế và chính trị thế giới